

CHIẾN LƯỢC CỦA NGA Ở KHU VỰC TRUNG Á

PGS.TS. Đỗ Trọng Quang

Viện Thông tin KHXH

Sau sự kiện 11/9/2001, hoạt động ngoại giao của Mỹ diễn ra dồn dập ở khu vực Trung Á để tìm kiếm đồng minh chống Taliban tại Afghanistan. Một tuần lễ sau khi xảy ra vụ khủng bố, Tổng thống Bush gọi điện thoại cho Tổng thống Islam Karimov của Uzbekistan, yêu cầu cho sử dụng không phận và sân bay ở nước này. Ngày 5/10/2001, bộ trưởng Quốc phòng Ronald Rumsfeld đến thủ đô Tashkent ký với chính phủ Uzbekistan hiệp ước dùng sân bay Khanabad để vận chuyển hàng hóa tới Afghanistan. Với sự hỗ trợ của Uzbekistan, nước Mỹ có khả năng tổ chức một cuộc tấn công phối hợp ở miền bắc Afghanistan vào tháng mười.

Tại Kyrgyzstan, ông Rumsfeld gặp Tổng thống Askar Akaev ngày 26/4/2002, thương lượng để NATO sử dụng sân bay Manas cho hoạt động an ninh thời kỳ hậu - Taliban. Ngày 28/4 năm đó, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ hội kiến với Tổng thống Nursultan Nazarbayev của Kazakhstan, được phép dùng ba sân bay và được quyền bay qua không phận, trong khi Tổng thống Saparmurat Niyazov của Turkmenistan cho phép máy bay Mỹ qua không phận, và đồng ý để người

Mỹ vận chuyển hàng cứu trợ nhân đạo cho Afghanistan.

Mỹ xâm nhập khu vực trước đây được coi là đất dành riêng của người Nga khiến Moskva rung chuông báo động. Người Nga nghĩ rằng Hoa Kỳ có thể bảo vệ các nước trong khu vực chống chủ nghĩa khủng bố và xu hướng Hồi giáo chính thống, điều mà Moskva không làm được. Cả Uzbekistan và Kyrgyzstan đều bối rối khi Nga không phản ứng lại những vụ xâm nhập của Phong trào Hồi giáo Uzbekistan (IMU) vào vùng Batken của Kyrgyzstan hồi tháng 8/1999 và năm 2000. Người ta nhớ rằng IMU có liên hệ với Taliban và Al-Qaeda, nó được các thủ lĩnh người Uzbekistan là Jumma Namangani và Tahir Yuldashev đổi tên thành Đảng Hồi giáo Turkestan (IPT) tháng 5/2001. Mục đích của bọn này là lật đổ các chính phủ thế tục ở Trung Á để thành lập một quốc gia Hồi giáo trùm lên cả khu vực, nhưng Nga vẫn điềm nhiên nhìn chung hành động, phải chăng để tỏ thái độ đối với sự dính líu của Mỹ vào Trung Á.

Mặt khác, sự dính líu của Mỹ ở Trung Á chẳng những xâm phạm vào "lãnh địa" cũ của Nga, mà còn mở ra triển vọng mới cho các nhà lãnh đạo trong khu vực vượt ra ngoài

cái thế giới hạn hẹp mà Liên Xô để lại. Người Mỹ quan tâm đến Trung Á cũng vì nguồn lợi về dầu lửa và khí đốt, và đối với một số nhà quan sát, Trung Á có nghĩa là một sự cân bằng địa - chiến lược với Moskva. Tuy nhiên, một số học giả Nga nói rằng sự có mặt của Mỹ có thể trở thành một vật đệm chống khuynh hướng Hồi giáo cực đoan trong khu vực, và người Mỹ càng dính líu sâu vào Trung Á thì càng có lợi cho Nga.

Dựa trên giả định trên, Tổng thống Putin tuyên bố thiết lập một quan hệ đối tác chiến lược với Hoa Kỳ trong chiến dịch chống chủ nghĩa khủng bố. Nga sẽ cung cấp thông tin cho Hoa Kỳ về căn cứ của bọn khủng bố, cho phép Mỹ sử dụng không phận để vận chuyển hàng cứu trợ nhân đạo, và không phản đối các nước Trung Á cho Hoa Kỳ sử dụng sân bay vì mục đích tương tự. Nhưng quyết định này đã gây tranh cãi dữ dội trong bộ máy an ninh Nga, như ông Putin và hai phó Thủ tướng là Aleksei Kydrin và Ilya Klebanov đã thấy ngày 17/10/2001 khi họ gặp Bộ tổng Tham mưu để giải thích chính sách mới. Cuộc hội kiến diễn ra sôi nổi, tướng lĩnh Nga rất tức giận về việc Mỹ xâm nhập không gian hậu Xô viết.

Quân đội hoảng sợ vì ông Putin dễ dàng để Mỹ tùy tiện xé bỏ Hiệp ước chống Tên lửa Đạn đạo năm 1972, và quyết định bỏ căn cứ hải quân ở vịnh Cam Ranh tại Việt Nam. Bây giờ, một số người lại coi việc Mỹ xâm nhập Trung Á là một phần của chiến lược làm nước Nga suy yếu, kể cả việc đóng các đơn vị vũ trang Mỹ ở Ba Lan và các nước vùng

Baltic, lập căn cứ mới tại Rumani và Bungari. Tướng lĩnh Nga yêu cầu vô hiệu hóa ảnh hưởng ngày càng lớn của Mỹ ở thời kỳ hậu Xô viết, không hợp tác với Hoa Kỳ. Cuộc chiến tranh của Mỹ chống Taliban ở Afghanistan làm họ lo lắng. Một số người kêu gọi áp đặt một giới hạn thời gian cho vai trò quân sự của Mỹ ở đây, một số khác quả quyết rằng chiến dịch Afghanistan là bước đầu tiên trong cố gắng của Mỹ nhằm đẩy Nga khỏi Trung Á.

Họ nói, về cơ bản mục đích của Nga và Mỹ rất khác nhau, vì thế Nga không thể đơn giản dựa vào sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Trung Á để bảo vệ an ninh của mình. Mục đích quân sự của Mỹ là ổn định hóa Afghanistan và đẩy lui ảnh hưởng của Taliban ở đó, không có ý định đối phó với tất cả các thách thức về an ninh trong khu vực. Người Nga thì khẳng định biên giới Trung Á là giới tuyến phía nam của họ, nước Nga dễ bị tổn thương trước nhiều nguy cơ về an ninh ở đây. Không phải tất cả các nguy cơ đó đều liên quan đến Mỹ. Ngoài ra, người Nga nói rằng hành động của Mỹ ở Afghanistan chỉ đạt kết quả một phần, Taliban chưa bị tiêu diệt.

Trong bài *Taliban: Xuất khẩu khuynh hướng cực đoan* đăng trong tạp chí *Foreign Affairs* tháng 11-12/1999, tác giả Ahmed Rashid viết rằng: Taliban đã huấn luyện các nhóm Hồi giáo cực đoan Uzbekistan và các phần tử ly khai Uighur ở Trung Quốc, và chịu trách nhiệm về việc truyền bá khuynh hướng cực đoan Hồi giáo đến tận thung lũng

Fergana, một khu vực đông dân cư và phi nhiều nằm giữa Uzbekistan, Tajikistan, và Kyrgyzstan. Năm 2003, tướng Boris Mylnikov thuộc Trung tâm chống Khủng bố của Cộng đồng Các quốc gia độc lập (SNG) khẳng định các nơi tập trung Taliban đã bị phá vỡ, nhưng lực lượng của nó xé nhỏ và hoạt động thành những nhóm phân tán. Ông Aleksei Kozhenikov thuộc bộ chỉ huy quân sự Tajik của Nga tuyên bố rằng, nỗ lực của Mỹ không mang lại sự ổn định cho Afghanistan, các nhóm liên quan đến Al-Qaeda đã tập kết ở Pakistang, do đó Nga cũng phải lo đối phó với chủ nghĩa khủng bố.

Ngoài việc đối phó với chủ nghĩa khủng bố của Taliban và Al-Qaeda, Nga còn quan tâm đến ma túy sản xuất ở các phòng điều chế được Taliban che chở ở Afghanistan, sau đây được vận chuyển bằng đường bộ qua Tajikistan và Nga sang châu Âu. Mặc dù Mỹ mở chiến dịch chống Taliban từ cuối năm 2001, lưu lượng ma túy vẫn gia tăng từ đó đến nay, liên minh chống ma túy không chặn được nó. Tháng 6/2003, tổng tham mưu phó thứ nhất của Nga là Yuri Baluevski nói rằng: Nạn buôn lậu ma túy là một trong những nguy cơ nghiêm trọng nhất đối với Nga. Các nhà phân tích khác của Nga thì bày tỏ lo ngại không những về nạn buôn lậu ma túy, mà còn về tác động của khuynh hướng cực đoan Hồi giáo Trung Á đối với dân chúng theo đạo Hồi ở Nga, đặc biệt là Đảng Giải phóng Hồi giáo ở Chechnya và miền nam Capca.

Trong khi đó chính quyền Hoa Kỳ cho là cuộc chiến chống ma túy không thể tách rời việc thúc đẩy dân chủ, và các chế độ bị Mỹ chê là thiếu dân chủ phải thay đổi. Nhưng theo ý nhiều người thì một khi các nhà lãnh đạo trong khu vực chịu sức ép đòi hỏi thay đổi thì nhiệt tình theo phương Tây có thể suy giảm và nước Nga trở thành dễ chấp nhận hơn. Vì lẽ đó, một quan chức cao cấp trong ủy ban phụ trách về SNG của Viện Duma gọi Nga là một đối tác thích hợp hơn của Trung Á.

Chiến lược của Nga ở Trung Á

Nỗ lực của Mỹ ở Trung Á không nhằm giải quyết các vấn đề an ninh của Nga. Chiến dịch Afghanistan có thể đã làm những vấn đề đó trầm trọng thêm bằng cách đẩy các nhóm Taliban vào Trung Á. Chính phủ Nga muốn đương đầu với vấn đề an ninh của khu vực, không phải chỉ để cân bằng với người Mỹ mà còn để đối phó với những mối lo ngại kéo dài mà sự can thiệp của Mỹ không thể giải quyết.

Từ năm 2000 đến 2004, chiến lược của Nga đối với Trung Á phát triển theo ba hướng: a) Sự hiện diện quân sự của Nga được mở rộng, một căn cứ mới được thiết lập ở Kyrgyzstan trong khi có kế hoạch triển khai quân nhiều hơn nữa tại Tajikistan; b) Các nhóm mới của khu vực về an ninh và kinh tế được đặt ra để liên kết khu vực chặt chẽ hơn nữa với Nga, và để ngăn Trung Á khỏi rơi vào ảnh hưởng của Mỹ; c) Moskva dự định tăng cường quan hệ với các nhà lãnh đạo

Kazakhstan, Uzbekistan, và Turkmenistan để giảm bớt khuynh hướng hiện nay muốn tìm kiếm sự ủng hộ của phương Tây về an ninh và kinh tế.

Nga đã đẩy mạnh những cơ cấu khu vực mới để tăng cường sự cố kết của mình ở Trung do những bất cập của SNG không còn hoạt động như một tổ chức nữa. Một số nhà bình luận Nga kết luận rằng SNG không cần thiết, nó đã đạt mục đích là ngăn cản được một cuộc xung đột kiểu Nam Tư ở quy mô lớn, sự tiếp tục tồn tại của nó cản trở công cuộc hội nhập khu vực ở các lĩnh vực khác. Nga coi trọng Hiệp hội Kinh tế Âu - Á (EEA) được sáng lập mùa thu năm 2000, bao gồm Nga và Belarus với ba quốc gia Trung Á là Tajikistan, Kyrgyzstan và Kazakhstan.

Ông Andrei Kokoshin, người đứng đầu ủy ban phụ trách về SNG của Duma khẳng định năm 2003 rằng, EEA có tiềm năng về hội nhập kinh tế, trái với SNG. Tổng thống Nursultan Nazarbaev của Kazakhstan đánh giá EEA tương tự, tuyên bố rằng Hiệp hội này tiến bộ nhất trong tất cả các thiết chế của SNG. Một lý do quan trọng của niềm lạc quan này là EEA bao gồm những quốc gia SNG phụ thuộc nhiều nhất vào Nga về an ninh và thương mại.

Ông Nazarbaev từ lâu thường xuyên hô hào hội nhập chặt chẽ hơn với Nga. Năm 1994, ông đề nghị thiết lập một Liên minh Á - Âu, và năm 2001 lại đề xuất ý kiến về một Liên minh Kinh tế Âu - Á. Những đề nghị của ông được nhằm để khắc phục nhược

điểm của SNG và xây dựng một hình thức khả thi hơn của chủ nghĩa khu vực. Ý kiến của Nazarbaev có nhiều cơ sở: Kazakhstan gần Nga về địa lý, hai nước có chung biên giới dài 7.500 km. Kazakhstan lại là nơi sinh sống của một tộc thiểu số lớn người Nga, chiếm 30% tổng dân số 17 triệu của nước này. Giống như ở các nơi khác của Trung Á, có rất nhiều người Nga trong lực lượng lao động kỹ thuật - quản lý, sĩ quan quân đội và bộ máy an ninh. Thiếu những người đó sẽ bất lợi cho nền kinh tế Kazakhstan, vì nước Nga chiếm 25% tổng khối lượng thương mại với Kazakhstan. Nước này nhập từ Nga 40% tổng số hàng nhập khẩu. Nga là đối tác thương mại chủ yếu của Kazakhstan, buôn bán năm 2003 đạt 5 triệu đôla, trong số đó 60% là buôn bán ở biên giới.

Ngoài ra, dầu lửa và khí đốt của Kazakhstan được xuất khẩu qua hệ thống ống dẫn của Nga sang châu Âu, và nước đó cũng trừ tính bán điện theo cách này. Kazakhstan giữ một vị trí quan trọng trong đề nghị của Nga xây dựng chủ nghĩa khu vực về kinh tế, đặc biệt với tính cách một cầu nối giữa Trung Á và châu Âu. Vì lẽ đó, Thủ tướng Mikhail Kasyanov của Nga tuyên bố rằng Nga, Ukraine, Belarus, và Kazakhstan đã thỏa thuận thành lập một "không gian kinh tế chung". Không gian đó sẽ phối hợp các chính sách kinh tế để đạt đến sự hội nhập kinh tế khu vực. Tiếc rằng chủ trương này không đi đến kết quả khi Ukraine rời bỏ SNG ngả sang châu Âu¹.

¹ Theo *International Politics*, 2007.

Một thiết chế khác, Tổ chức Hiệp ước An ninh Tập thể (CSTO) là một phương tiện để gắn chặt an ninh của các quốc gia Trung Á với nước Nga. Thiết chế này bổ sung cho Hiệp ước An ninh Tập thể SNG mà các quốc gia SNG ký kết ở Tashkent tháng 5/1992. Uzbekistan rút khỏi hiệp ước năm 1999, chỉ còn lại Nga, Belarus, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, và Armenia. Những quốc gia này thành lập CSTO tại Dushanbe, thủ đô của Tajikistan tháng 4/2003 với sứ mệnh chiến đấu chống chủ nghĩa khủng bố và nạn buôn lậu ma túy trong khu vực. Kế hoạch là thành lập một bộ tham mưu phòng thủ chung, một lực lượng triển khai nhanh đặt căn cứ ở Tajikistan, và một ban thư ký.

Nga có ý định sử dụng CSTO để tiếp cận với các căn cứ quân sự trong khu vực, mở rộng việc đo tạo sĩ quan Trung Á ở các học viện quân sự Nga, cung cấp vũ khí và công nghệ quân sự cho các quân đội địa phương với giá thấp hơn vũ khí phương Tây. Tướng Nikolai Bordyuzha, nguyên thư ký Hội đồng An ninh Nga và là người chỉ huy các lực lượng biên giới, được bổ nhiệm làm tổng thư ký của tổ chức. Bordyuzha tìm cách xoa tan nỗi lo ngại rằng CSTO có thể va chạm với NATO ở Trung Á bằng cách nhấn mạnh sự cần thiết phải cộng tác với phương Tây và các mục tiêu chung chống khủng bố.

Dưới sự chỉ đạo của Nga, các Bộ trưởng Quốc phòng CSTO họp ở Moskva tháng 12/2003 nhất trí thành lập một hệ thống tham mưu hợp nhất, thành lập một lực lượng phản ứng nhanh gồm bốn tiểu đoàn, và chỉ định

các căn cứ ở Tajikistan. Cuộc tập trận trung tên là *Biên giới - 2004* được thực hiện ở Kyrgyzstan, gồm các lực lượng Nga, Kyrgyzstan, Kazakhstan và Tajikistan, giả định một cuộc tấn công từ núi xuống.

Nga thúc Kazakhstan, Kyrgyzstan, và Tajikistan hợp tác chặt chẽ hơn về an ninh, nhưng Uzbekistan phản đối vì sợ Nga khống chế. Uzbekistan tham gia Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) vì ở đây có một đối trọng với Nga là Trung Quốc. SCO được thành lập tháng 6/2001 lúc Uzbekistan gia nhập nhóm với năm nước Thượng Hải gồm Nga, Trung Quốc, Kazakhstan, Kyrgyzstan, và Tajikistan, họp lần đầu tiên năm 1996. Mục đích của SCO là hợp tác về an ninh chống chủ nghĩa khủng bố, xu thế cực đoan, và khuynh hướng ly khai. Tại cuộc họp thượng đỉnh ở Moskva tháng 5/2003, SCO quyết định tập trận chung, thành lập một trung tâm chống khủng bố ở Tashkent và một ban thư ký ở Bắc Kinh. Tổ chức này gần đây bước sang lĩnh vực kinh tế, kêu gọi thương mại tự do và lưu chuyển vốn tự do. Vì bao gồm cả Nga và Trung Quốc nên SCO có khả năng trở thành một yếu tố ổn định hóa của Trung Á và, theo lời người Nga, đây là một phương tiện chống ảnh hưởng phương Tây trong khu vực.

Ở Uzbekistan, SCO được hoan nghênh vì cả Nga và Trung Quốc đều có mặt ở đây, và tổ chức này được xem là một nhóm hữu hiệu chống chủ nghĩa khủng bố. Tuy nhiên Nga đã yêu cầu Trung Quốc giúp đỡ để hòa giải Uzbekistan với các đồng minh của mình,

một điều chứng tỏ Moskva không có khả năng thành lập một nhóm an ninh toàn khu vực nếu không có sự tham gia của Trung Quốc.

Về quân sự, Nga giữ một lực lượng quân đội ở Tajikistan từ thời kỳ Xô viết, nhưng năm 2003 Moskva thiết lập một căn cứ ở Kyrgyzstan. Việc mở rộng sự hiện diện quân sự của Nga ở Trung Á có nhiều mục đích. *Thứ nhất*, Nga có ý định tăng cường hợp tác an ninh khu vực trong CSTO, và nâng cao khả năng đối phó với chủ nghĩa khủng bố, xu thế chính thống Hồi giáo, và nạn buôn lậu ma túy. Trong tư duy chiến lược của Nga, thì hai quốc gia phía nam, Kyrgyzstan và Tajikistan, là người canh cửa cho Trung Á và bảo vệ biên giới phía nam của Nga. An ninh của hai nước này cần thiết cho an ninh của khu vực. *Thứ hai*, Nga có lợi trong việc để các nhà lãnh đạo hiện thời ở Trung Á nắm chính quyền, ngăn cản các phần tử Hồi giáo chính thống lật đổ họ. Với sự bảo vệ của Nga, các nhà lãnh đạo hiện thời muốn theo sự dẫn dắt của Nga để hội nhập về an ninh và kinh tế. *Thứ ba*, ý định của Nga là không để vị trí của mình bị xói mòn hơn nữa trước ảnh hưởng của Hoa Kỳ. Mối quan tâm chính của Nga là thái độ thân Mỹ của Uzbekistan.

Ở Kyrgyzstan, nhiều người lo ngại về việc Nga thiếu quan tâm đến an ninh biên giới trong thời kỳ Tổng thống Yeltsin cầm quyền. Khoảng 3.000 lính biên phòng Nga được triển khai dọc biên giới Afghanistan - Kyrgyzstan từ năm 1992 đến 1999, sau đó bị Yeltsin chuyển đi vì vấn đề tài chính. Bộ

trưởng Quốc phòng Kyrgyzstan Esen Topoev nói rằng: Nguyên nhân của mối lo ngại là thái độ thờ ơ của Nga trong những vụ đột nhập của IMU vào lãnh thổ nước mình năm 1999 và 2000. Chẳng bao lâu sau đấy, năm 2000 - 2001, Hoa Kỳ và Trung Quốc cung cấp viện trợ kỹ thuật và quân sự cho lực lượng vũ trang Kyrgyzstan. Đối với Kyrgyzstan, NATO bảo đảm giúp đỡ về an ninh, bao gồm huấn luyện ở trình độ cao và trang bị hiện đại cho quân đội. Cuộc tập trận chung Kyrgyzstan - NATO được tiến hành theo Chương trình Đối tác vì Hòa bình. Quân đội Kyrgyzstan áp dụng tiêu chuẩn trang bị của NATO, và thao luyện dưới sự giám sát của cố vấn quân sự Mỹ theo chiến thuật và phương thức tác chiến của Mỹ.

Trước tình hình đó, Nga lại tăng cường quan tâm đến Kyrgyzstan để chặn trước trường hợp nước này bị NATO lôi kéo. Tháng 12/2002, Tổng thống Putin đến Bishkek, thủ đô của Kyrgyzstan. Cùng với Tổng thống Askar Akaev, ông thông báo mở một căn cứ không quân Nga tại Kant, cách Bishkek 20 km về phía đông và cách căn cứ Manas của NATO 30 km. NATO có 1.400 quân ở Manas, gồm 450 người Mỹ, và 12 máy bay chiến đấu F-16. Kant là nơi đóng quân của lực lượng phản ứng nhanh CSTO và yểm hộ bằng không quân cho sư đoàn bộ binh cơ giới 201 của Nga tại Tajikistan. Kế hoạch là triển khai năm máy bay chiến đấu SU-25 và năm SU-27, hai máy bay vận tải quân sự An-26, hai máy bay vận tải Il-76, năm máy bay huấn luyện L-39, hai máy bay

lên thẳng Mi-6, cùng với 500 binh sĩ và 150 dân thường. Ông Putin cũng kêu gọi phòng thủ chung bằng không quân.

Việc xây dựng căn cứ không quân Kant được nhằm để cân bằng với sự có mặt của NATO ở Manas, cho phép người Nga theo di hoạt động của NATO ở đây và, trước hết, để chứng tỏ rằng Nga vẫn quan tâm đến khu vực. Một số báo chí Kyrgyzstan coi sự kiện này là bằng chứng Nga muốn trở lại vai trò trước đây ở Trung Á và kiểm chế sự có mặt của Mỹ. Báo chí Kyrgyzstan tất nhiên bình luận rằng: Một căn cứ không quân khó có thể là một phản ứng hữu hiệu với chủ nghĩa khủng bố hay nạn buôn lậu ma túy. Phòng thủ chung bằng không quân chẳng có ích lợi gì cho việc giải quyết những mối lo lắng này. Nói đúng hơn thì mục đích của kế hoạch đó là để ràng buộc các nước Trung Á chặt chẽ hơn với Moskva, và để Nga kiểm soát được nhiều hơn các hoạt động quân sự của những quốc gia đó.

Lý do địa - chính trị cơ bản buộc ông Akaev phải giữ thế cân bằng giữa các cường quốc lớn, trong đó Nga có một vai trò quan trọng. Ông nói rằng các nước nhỏ cần có những bạn lớn để bảo vệ độc lập và chủ quyền. Với dân số bốn triệu, Kyrgyzstan bị các láng giềng làm lu mờ: Uzbekistan với 26 triệu dân, Kazakhstan với 17 triệu, và Trung Quốc ở phía đông. Mối lo lắng trước mắt là Uzbekistan, một nước mà Kyrgyzstan ngờ có xu hướng bá quyền và nhiều lần tố cáo vi phạm biên giới chung. Là một nước ở thượng lưu sông, Kyrgyzstan còn va chạm với

Uzbekistan và Kazakhstan về nguồn cung cấp nước, một vấn đề đã đe dọa làm bùng nổ xung đột khi nhu cầu ở địa phương tăng lên nhiều.

Tuy nhiên, Nga nói rằng quân đội mình ở nước này là một phần của lực lượng phản ứng nhanh SNG, và tháng 9/2003, Nga ký một thỏa ước 15 năm để sử dụng căn cứ không quân Kant. Căn cứ được mở ngày 23/10/2003. Ông Akaev tuyên bố Kyrgyzstan sẽ là một căn cứ yểm trợ cho sự có mặt của Nga ở Trung Á. Bộ trưởng Quốc phòng nước này là Topoev khẳng định căn cứ của Nga sẽ thúc đẩy sự phát triển lực lượng vũ trang Kyrgyzstan, và như vậy cũng chứng minh cho tính hiệu quả của an ninh tập thể.

Tháng 3/2005, Akaev bị lật đổ trong một cuộc nổi dậy của những người phản nộ vì nạn tham nhũng lan tràn và chế độ gia đình trị của tổng thống. Ông trốn sang Moskva và tuyên bố từ chức. Tuy nhiên, chính sách của Akaev lôi kéo cả Nga và NATO để bảo vệ Kyrgyzstan đã phản ánh lợi ích chiến lược của một nước nhỏ và được chính phủ mới tiếp tục áp dụng. Sự tham gia của Kyrgyzstan vào cuộc tập trận Biên giới-2005 của CSTO được tiến hành mặc dù chính phủ đã thay đổi. Thực vậy, quyền Tổng thống Kurmanbek Bakiyev đề nghị Nga lập một căn cứ mới ở vùng Osh rối loạn để chống khủng bố. Ban lãnh đạo Kyrgyzstan đã luôn luôn lo lắng về nước láng giềng lớn Uzbekistan, bây giờ lại e ngại tình hình không ổn định ở đó có thể lan qua biên giới,

làm mất ổn định tại nước Kyrgyzstan vốn đã thiếu ổn định.

Đối với Tajikistan, vì vị trí chiến lược của nước này giáp giới Afghanistan khiến an ninh của trở thành thiết yếu đối với việc bảo vệ khu vực và phòng thủ “biên giới phía nam” của Nga. Người Nga phải giữ một vị thế ở Tajikistan nếu họ muốn kiểm chế Trung Á khỏi ngả về phương Tây, và tăng cường khả năng gây ảnh hưởng của mình đối với các quốc gia trong khu vực. Nga ủng hộ chế độ của Tổng thống Imomali Rakhmonov và công khai can thiệp vì lợi ích chế độ đó trong cuộc nội chiến Tajikistan thời gian 1992 - 1997. Nga đã giữ sư đoàn bộ binh cơ giới 201 ở Tajikistan từ thời Xô viết, và đã triển khai 14.000 lính biên phòng để tuần tra biên giới Tajikistan - Afghanistan dài 1.400 km. Ông Rakhmonov được Nga coi là người ổn định Tajikistan, và Rakhmonov cũng tuyên bố Tajikistan gắn liền về mặt địa - chính trị với Nga qua Hiệp ước An ninh Tập thể SNG.

Sau sự kiện 11/9, lực lượng Nga ở Tajikistan có vai trò lớn hơn trong chiến dịch chống khủng bố, giúp Liên minh miền Bắc tại Afghanistan. Về sau, Nga áy náy về địa vị pháp lý của lực lượng mình ở Tajikistan. Hiệp ước về vị thế của lực lượng vũ trang Nga thoát tiên được ký năm 1993 rồi được gia hạn tại Moskva tháng 4/1999. Hiệp ước đã được hai bên thông qua nhưng việc thi hành bị trục trặc, nhiều vấn đề lại được khơi ra để thương lượng, kể cả việc phía Tajikistan đòi giữ lại thiết bị quân sự cũ của Liên Xô ở

lãnh thổ mình, yêu cầu xóa khoản nợ Nga 300 triệu đôla, và đòi hỏi đài thọ cho căn cứ.

Theo Hiệp ước năm 1993, mỗi bên chịu một nửa số tiền đài thọ, nhưng trong thực tế, phía Tajikistan chưa bao giờ trả quá 5% chi phí, năm 2002 chỉ trả 2%. Tajikistan yêu cầu Nga nhận trách nhiệm đài thọ hoàn toàn cho lực lượng Nga ở nước mình, khiến Nga ngần ngại. Tháng 4/2003, Tổng thống Vladimir Putin sang thăm thủ đô Dushanbe để thương lượng một hiệp mới về quy chế lực lượng Nga với chính phủ Tajikistan. Hơn nữa, người Nga muốn tăng cường sư đoàn bộ binh cơ giới 201 đang teo dần đi từ 8.000 xuống 5.500 người. Hầu hết sĩ quan của sư đoàn là người Nga, nhưng 65% binh lính là dân Tajikistan. Pháo binh và các đơn vị phòng không của sư đoàn cũng giảm quân số, hiện nay chỉ có bốn máy bay lên thẳng Mi-8 và sáu Mi-24, năm máy bay chiến đấu MIG-25.

Những vấn đề chủ yếu được giải quyết lúc Putin và Rakhmonov gặp nhau ở Sochi tại Nga ngày 4/6/2004. Người Nga được toàn quyền sử dụng các căn cứ ở Tajikistan không phải trả tiền hoặc hạn chế về thời gian, và bác bỏ yêu cầu của ông Rakhmonov đòi tham gia quyết định. Bù lại, Rakhmonov được nhượng bộ về khoản vay nợ của Tajikistan: xóa nợ 250 triệu đôla, còn 50 triệu đôla sẽ được đầu tư vào các dự án năng lượng trong nước.

Nga đồng ý rút lực lượng khỏi biên giới Afghanistan cuối năm 2005 và chuyển giao nhiệm vụ giám sát biên giới cho quân đội

Tajikistan. Để tránh phụ thuộc vào Nga, chính phủ Tajikistan tìm cách đa dạng hóa sự hợp tác quân sự. Ngoài việc học tập ở Nga, sĩ quan Tajikistan còn được gửi sang các học viện quân sự ở Trung Quốc và Ấn Độ.

Chẳng những đối với Tajikistan, chính phủ Nga còn tăng cường quan hệ với các nước khác trong khu vực. Năm 2003, Tổng thống Nazarbaev của Kazakhstan tuyên bố Nga có một "vị trí trung tâm" trong chính sách nước mình, nhưng ông vun đắp quan hệ với Mỹ để cân bằng với sự phụ thuộc nặng nề của ông vào Moskva. Ông cho phép máy bay Mỹ qua không phận Kazakhstan và sử dụng các sân bay Shymkent, Lugovaya và Almaty cho chiến dịch chống khủng bố ở Afghanistan, lôi kéo NATO vào việc huấn luyện và trang bị cho hạm đội Kazakhstan ở biển Caspi.

Nazarbaev dùng cơ hội người Mỹ có mặt ở Trung Á để tìm nơi tiêu thụ khác cho dầu lửa và khí đốt của Kazakhstan, nhằm giảm sự phụ thuộc hệ thống ống dẫn của Nga. Việc khai trương ống dẫn Baku - Ceyhan dài 1.700 km hồi tháng 5/2005, được Hoa Kỳ ủng hộ mạnh mẽ, sẽ cho phép Kazakhstan tránh sử dụng đường ống hiện nay của Nga chạy từ Atyrau ở miền tây Kazakhstan tới Novorossiysk bên bờ Hắc Hải. Ngoài ra, Kazakhstan cùng Trung Quốc thỏa thuận xây dựng một đường ống 3.000 km từ biển Caspi đến miền tây Trung Quốc. Giai đoạn thứ nhất xây dựng 1.000 km từ Atasu đến tỉnh Tân Cương được hoàn thành năm 2005.

Đối với Uzbekistan, người Nga cũng muốn cải thiện quan hệ. Trước kia, Tổng thống Karimov của Uzbekistan là người tích cực ủng hộ Moskva. Ông đã đăng cai cuộc họp của SNG tháng 5/1992 để ký kết Hiệp ước An ninh Tập thể với Nga trong lúc cuộc nội chiến ở Tajikistan đang diễn ra. Nhưng về sau, ông quyết định tìm kiếm một con đường độc lập. Tại Hội nghị Không liên kết ở Jakarta tháng 9/1992, Karimov tuyên bố từ bỏ các khối quân sự và phản đối ý định thành lập một khối như thế trong SNG, và tháng 12/1996, Ngoại trưởng Uzbekistan nói rằng không liên kết là nguyên tắc đối ngoại chỉ đạo của nước mình.

Karimov phản đối yêu cầu của Nga về phòng thủ chung biên giới của SNG, và ngày 6/2/1999, rút khỏi Hiệp ước An ninh Tập thể SNG. Ông công khai phản đối quyết định của Akaev cho Nga đặt căn cứ ở Kant, và tại một cuộc họp báo tháng 12/2002, ông chỉ trích gay gắt Akaev, cáo buộc rằng quyết định về căn cứ Kant sẽ làm sự kình địch giữa các cường quốc lớn nghiêm trọng thêm. Ông Karimov bị Moskva coi là một đồng minh của Mỹ, tìm cách tranh thủ sự ủng hộ của NATO để hiện đại hóa quân đội Uzbekistan và thiết lập quan hệ an ninh mật thiết hơn với Washington. Tháng 4/2003, Karimov ủng hộ mạnh mẽ cuộc chiến tranh của Mỹ ở Iraq trong khi Nga phản đối, từ chối cho phép máy bay vận tải Nga cất cánh từ các sân bay Tajikistan bay qua không phận Uzbekistan.

Karimov tìm kiếm những phương án thay thế sự hội nhập kinh tế với Nga bằng

cách gia nhập nhóm GUUAM tháng 4/1999 (kết hợp Georgia, Uzbekistan, Ukraine, Azerbaijan, và Moldova). GUUAM được thành lập ngày 10/10/1997, và Uzbekistan gia nhập nhóm này sau khi rút khỏi Hiệp ước An ninh Tập thể SNG. Người Nga cáo buộc Karimov sử dụng GUUAM và chủ nghĩa khu vực Trung Á để phá hoại vị trí của họ ở Trung Á. Hội đồng Ngoại trưởng GUUAM họp tháng 12/2002 quyết định về một hiệp ước khung cho sự hợp tác với Hoa Kỳ chống chủ nghĩa khủng bố và tội phạm có tổ chức, buôn bán, và vận tải.

Cuộc họp của Hội đồng đó càng làm tăng mối lo ngại của Nga rằng, các nước đó chuẩn bị cơ sở để gia nhập NATO trong tương lai. Trong trường hợp đó GUUAM sẽ trực tiếp xung đột với lợi ích của Nga trong khu vực. Mặc dầu Nga lo ngại như vậy, nhưng không chắc GUUAM thách thức Nga.

Tuy nhiên, Karimov không thể cắt đứt hoàn toàn với Nga. Nước ông cần có sự tham gia của Nga để phát triển nguồn năng lượng, vì hệ thống ống dẫn của Nga chuyển tải khí đốt của Uzbekistan đến các thị trường châu Âu. Khi gặp Putin ở Samarkand (Uzbekistan) tháng 8/2003, Karimov đồng ý với sự tham gia của tập đoàn dầu khí khổng lồ Gazprom vào việc khai thác các mỏ khí đốt của Uzbekistan. Ông Putin cũng bày tỏ sự ủng hộ đối với ông Karimov sau các vụ khủng bố bằng bom ở Tashkent và Bukhara làm thiệt mạng 47 người hồi tháng 3 và tháng 4 năm 2004. Khi Tổng thống Uzbekistan sang thăm Moskva ngày 15/4/2004, ông Putin tuyên bố

“ủng hộ hoàn toàn và vô điều kiện chống chủ nghĩa khủng bố”.

Trong chuyến công du ở Tashkent, Putin ký một hiệp ước “đôi tác chiến lược” với Karimov, trong đó có các mục tập trận chung, hợp tác chặt chẽ chống khủng bố, và việc Nga sử dụng các căn cứ của Uzbekistan. Số sĩ quan Uzbekistan học ở các trường quân sự Nga sẽ tăng lên, không quân Nga sẽ tham gia bảo vệ vùng trời Uzbekistan. Trong cuộc gặp gỡ này, Karimov thỏa thuận mời Nga tham gia khai thác năng lượng ở Uzbekistan, công ty dầu khí lớn nhất của Nga là Luoil ký kết thỏa thuận trị giá một tỉ đôla để khai thác mỏ dầu Kandym và sẽ hợp tác sản xuất dầu với công ty Uzbekneftgaz, Gazprom cũng sẽ phát triển một hệ thống ống dẫn tại Uzbekistan.

Trong thời gian quan hệ giữa Nga và Uzbekistan còn đang trục trặc, quan hệ với Turkmenistan cũng xấu đi sau cuộc đảo chính ngày 25/11/2002 chống Tổng thống Saparmurat Niyazov, mà chính phủ Turkmenistan cáo buộc Nga đồng mưu. Cuộc đảo chính hụt được dùng làm cái cớ để ông Niyazov đàn áp phe đối lập, và chống thiếu số người Nga. Ngày 3/4/2003, Niyazarov hủy bỏ Hiệp ước Hai quốc tịch đã cho phép người Nga ở địa phương được giữ quốc tịch Nga.

Ngày 10/4/2003, Putin thỏa thuận với Miyazov để chế độ hai quốc tịch vẫn được thực hiện đối với những người đã hưởng chế độ đó, nhưng sẽ không áp dụng với những người mới xin. Tuy nhiên, ngày 22/4/2003,

Niyazov lại tuyên bố việc chấm dứt chế độ hai quốc tịch sẽ áp dụng cho tất cả các người Nga, và cho họ hai tháng để lựa chọn. Moskva nói rằng có 100.000 người Nga đã bị tác động của quyết định đó, trong khi chính phủ Turkmenistan quả quyết chỉ có 47 người giữ hai quốc tịch.

Tuy vậy, Putin đã được Niyazov đồng ý cung cấp khí đốt để bổ sung nguồn cung cấp của Nga cho Ukraine và châu Âu. Ông cũng không muốn đối đầu với nhà lãnh đạo Turkmenistan về vấn đề hai quốc tịch, mặc dầu bị công kích ở Duma là không bảo vệ người Nga. Khi Putin và Niyazov gặp nhau ngày 10/4/2003, hai bên đã ký một hiệp ước về việc cung cấp khí đốt cho Nga trong thời gian 2004 - 2008, trị giá 300 triệu đôla. Nga có ý định thiết lập một quan hệ đối tác về khí đốt giữa hai nước bao gồm cả nguồn khí ở biển Caspi.

Kết luận

Sau một thời gian ông Yeltsin sa lầy, nước Nga của Tổng thống Putin trở lại Trung Á và quan tâm đến diễn biến ở đây. Người Nga băn khoăn về động thái của Mỹ trong khu vực sau sự kiện 11/9. Hoạt động của các công ty năng lượng phương Tây càng làm gia tăng nỗi lo ngại. Nga tăng cường sự hiện diện quân sự của mình ở Trung Á để chứng minh rằng mình gắn bó với khu vực, và chặn trước việc khu vực này ngã sang phương Tây. Ông Putin cũng cải thiện quan hệ với các nhà lãnh đạo Trung Á vì lý do kinh tế và an ninh, lôi

kéo họ vào một cố gắng chung chống chủ nghĩa khủng bố và xu hướng Hồi giáo chính thống.

Trong khi tích cực quan tâm đến Trung Á, nước Nga phải đương đầu với những trở lực lớn có thể hạn chế ảnh hưởng của mình. Khu vực này đã thay đổi sau khi Liên bang Xô viết tan rã. Việc nó mở cửa ra thế giới bên ngoài không thể đảo ngược. Các nhà lãnh đạo Trung Á đã phát triển những mối liên hệ về an ninh và kinh tế với các đối tác khác để giữ một thế cân bằng, nước Nga buộc phải cạnh tranh ảnh hưởng với những cường quốc trước đây đứng ngoài khu vực, và hiện nay Nga đang phát triển quan hệ với Trung Quốc, Ấn Độ, và Thổ Nhĩ Kỳ. Ngay Tổng thống Nazarbaev, vẫn là người trung thành ủng hộ Nga, cũng tìm kiếm thêm những quan hệ khác để giảm sự phụ thuộc vào Moskva. Trong tình hình đó, tăng cường sự ràng buộc với các nước trong khu vực là phương sách tốt nhất để Nga bảo vệ uy tín và ảnh hưởng của mình tại Trung Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. International Politics, 2007.
2. Asian Survey, July/August 2005.
3. Far Eastern Economic Review, April 2001.
4. Strategic Analysis: A Monthly Journal of the ISDA, April-June 2002.